

Bản án số: 1353/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2017

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

Bà Lê Thị Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Tây – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 386/2017/TLST-HNGĐ ngày 18/8/2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 820/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê T, sinh năm 1984 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Đường A, Phường 12, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Li Yi W, sinh năm 1989 (xin vắng mặt).

Quốc tịch: Trung Quốc.

Địa chỉ: No 1604 Building 5 No 65 Renmin Middle Road Changsha City Hunan China.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/7/2017 và Bản tự khai ngày 24/8/2017 nguyên đơn ông Lê T trình bày:

Ông và bà Li Yi W đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/3/2010 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vào Sổ đăng ký kết hôn

số 1080 Quyền số 04 ngày 25/3/2010. Sau khi kết hôn, bà Li Yi W trở về Trung Quốc, ông ở lại Việt Nam. Sau khi bà Li Yi W trở về Trung Quốc, vợ chồng ít liên lạc với nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Li Yi W.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông xin được vắng mặt khi tòa án giải quyết vụ án.

Tại Bản tự khai và Đơn xin vắng mặt cùng ngày 18/9/2017 được Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại San Francisco, Hoa Kỳ chứng nhận chữ ký ngày 18 tháng 9 năm 2017 bị đơn bà Li Yi W trình bày:

Bà đồng ý ly hôn với ông Lê T vì hai bên sống xa cách, tình cảm không còn.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà xin được vắng mặt khi tòa án giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Ông Lê T và bà Li Yi W có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê T, bà Li Yi W.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Lê T và bà Li Yi W tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/3/2010, vào Sổ đăng ký kết hôn số 1080 Quyền số 04 ngày 25/3/2010 nên là hôn nhân hợp pháp.

Về yêu cầu xin ly hôn của ông Lê T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Li Yi W định cư ở Trung Quốc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, không quan tâm nhau. Nay ông Lê T xác nhận không còn tình cảm với bà Li Yi W nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, về phía bà Li Yi W cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T. Điều này cho thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu của ông Lê T xin ly hôn bà Li Yi W là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí:

Ông Lê T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 147, Điều 228, Điều 273, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa ông Lê T và bà Li Yi W.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

3. Về án phí sơ thẩm:

Ông Lê T chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2017/0047295 ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Lê T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Ủy ban nhân dân TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lệ Uyên